

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2024

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà;

2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị Như P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Dương Thanh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2023, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Văn Thị Như P trình bày và yêu cầu: Bà và ông Dương Thanh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 21-5-2010. C sống hạnh phúc khoảng 05 năm phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù được gia đình ông T khuyên nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Bà và ông T vẫn sống chung nhà.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Thanh T;

Về nuôi con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 05-7-2010 và Dương Yến N, sinh ngày 19-02-2014; Nguyên vọng 02 con chung muốn sống với ai người đó trực tiếp nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 20-5-2024, bị đơn ông [Dương Thanh T](#) trình bày thống nhất trình bày của bà [Văn Thị Như P](#) về ngày tháng điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về thời gian mâu thuẫn từ năm 2023.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà [Văn Thị Như P](#).

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà [P](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông [Dương Thanh T](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

- Ngày 15-5-2024, bà [Văn Thị Như P](#) nộp đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 20-5-2024, ông [Dương Thanh T](#) nộp đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà [Văn Thị Như P](#) khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông [Dương Thanh T](#); Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà [P](#), ông [T](#) có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân:

[4.1] Bà [P](#) và ông [T](#) chung sống có đăng ký kết hôn ngày 21-5-2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà [P1](#) ông [T](#) là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà [P](#) và ông [T](#): Bà [P](#) và ông [T](#) cho rằng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau; bà [P](#) cho rằng mâu thuẫn từ năm 2015, ông [T](#) cho rằng mâu thuẫn từ năm 2023. Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, bà [P](#) và ông [T](#) không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, tuy bà [P](#) và ông [T](#) còn sống chung nhà nhưng mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà [P](#) và ông [T](#) đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà [P](#) yêu cầu ly hôn là có căn cứ và việc ông [T](#) tự khai đồng ý ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5] Xét về nuôi con chung:

[5.1] Đồng thời xét việc bà P yêu cầu nguyện vọng 02 con chung muốn sống với ai người đó trực tiếp nuôi, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét nguyện vọng 02 con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 05-7-2010 và Dương Yên N, sinh ngày 19-02-2014, muốn sống chung với ông T; Do đó, giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Xét 02 con chung tên Gia H và Yên N đang sống với bà P và ông T, do đó, bà P có nghĩa vụ giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[5.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[5.3] Bà P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà P và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Bà P và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia nợ chung: Bà P và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Văn Thị Như P và ông Dương Thanh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ông Dương Thanh T được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 05-7-2010 và Dương Yến N, sinh ngày 19-02-2014, hiện sống chung với bà P và ông T; Bà Văn Thị Như P không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

2.2. Bà Văn Thị Như P có nghĩa vụ giao 02 con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 05-7-2010 và Dương Yến N, sinh ngày 19-02-2014, hiện sống chung với bà P và ông T, cho ông Dương Thanh T trực tiếp nuôi khi án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Bà P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà P và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Văn Thị Như P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo Biên lai thu số 0004286 ngày 18-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ), bà P đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương